



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.
Hotline: 0898.930.888 | Website: https://moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



01247/2024/PKQ (24.422)

Số:

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : KT.240801.001: KT1: Khí thải lò nung 800kg
Thời gian thử nghiệm : 30-31/07/2024 – 27/08/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT
				KT.240801.001	Cột B, C _{max}
1	Nhiệt độ	°C	SOP/MTVP/KT1	96	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	19.044	-
3	Áp suất (Chênh áp)	mmH ₂ O	SOP/MTVP/KT2	13,2	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	94,6	160
5	CO	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT4	297,3	800
6	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT6	12,2	400
7	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT5	49,3	680
8	HF ^(*)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	1	16

Ghi chú:

- "-": Không quy định trong QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT;
- (*): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 288 thực hiện;
- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 $C_{max} = K_p \times K_v \times C$. Trong đó:
 - + C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (K_p=0,8 – lưu lượng nguồn thải P > 100.000 m³/h);
 - + K_v là hệ số vùng khu vực (với K_v = 1 – địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.
Hotline: 0898.930.888 | Website: <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

Số: 01248/2024/PKQ (24.422)

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
KT.240801.002: KT2: Khí thải lò nung 2000 kg
Ngày lấy mẫu : 30-31/07/2024
Thời gian thử nghiệm : 30-31/07/2024 – 27/08/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT
				KT.240801.002	Cột B, C _{max}
1	Nhiệt độ	°C	SOP/MTVP/KT1	91	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	30.066	-
3	Áp suất (Chênh áp)	mmH ₂ O	SOP/MTVP/KT2	32,1	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	81,4	160
5	CO	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT4	217,8	800
6	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT6	20,1	400
7	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT5	50,9	680
8	HF ^(*)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	0,65	16

Ghi chú:

- "-": Không quy định trong QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT;
- (*): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 288 thực hiện;
- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 $C_{max} = K_p \times K_v \times C$. Trong đó:
 - + C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (K_p=0,8 – lưu lượng nguồn thải P > 100.000 m³/h);
 - + K_v là hệ số vùng khu vực (với K_v = 1 – địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Trung Dũng

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG
VINH PHÁT
H. ĐÔNG ANH - TP. HÀ NỘI
M.S.D.N: 01082

Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội.

Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.

Hotline: 0898.930.888 | Website: https://moitruongvinhphat.com

Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

Số: 01250/2024/PKQ (24.422)

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
KT.240801.004: KT3: Khí thải TC1-ABS 5.1
Ngày lấy mẫu : 30-31/07/2024
Thời gian thử nghiệm : 30-31/07/2024 – 27/08/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT	QCVN 20: 2009/BTNMT
				KT.240801.004	Cột B, C _{max}	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ	°C	SOP/MTVP/KT1	30	-	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	50.921	-	-
3	Áp suất (Chênh áp)	mmH ₂ O	SOP/MTVP/KT2	9,2	-	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	55,5	160	-
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,0)	-	5
6	n-Butyl axetat ^(*)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,3)	-	950
7	Toluen	mg/Nm ³		KPH (LOD=1,0)	-	750
8	Xylen	mg/Nm ³		KPH (LOD=1,0)	-	870
9	Ethyl acetate ^(*)	mg/nm3		KPH (MDL=0,4)	-	1400

Ghi chú:

- "-": Không quy định trong QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT;
- (*): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 288 thực hiện;
- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 $C_{max} = K_p \times K_v \times C$. Trong đó:
+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải ($K_p=0,8$ – lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$);
+ K_v là hệ số vùng khu vực (với $K_v = 1$ – địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

TU. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.
Hotline: 0898.930.888 | Website: https://moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



Số: 01251/2024/PKQ (24.422)

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : KT.240801.005: KT4: Khí thải TC2-ABS 5.2
Thời gian thử nghiệm : 30-31/07/2024 – 27/08/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT	QCVN 20: 2009/BTNMT
				KT.240801.005	Cột B, C _{max}	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ	°C	SOP/MTVP/KT1	31	-	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	13.459	-	-
3	Áp suất (Chênh áp)	mmH ₂ O	SOP/MTVP/KT2	2,2	-	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	60,0	160	-
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,0)	-	5
6	n-Butyl axetat ^(*)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,3)	-	950
7	Toluen	mg/Nm ³		KPH (LOD=1,0)	-	750
8	Xylen	mg/Nm ³		KPH (LOD=1,0)	-	870
9	Ethyl acetate ^(*)	mg/nm3		KPH (MDL=0,4)	-	1400

Ghi chú:

- "-": Không quy định trong QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT;
- (*): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 288 thực hiện;
- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 $C_{max} = K_p \times K_v \times C$. Trong đó:
 - + C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải ($K_p=0,8$ – lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$);
 - + K_f là hệ số vùng khu vực (với $K_v = 1$ – địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07633/2024/PKQ/24.3203

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.05: Khí thải ống khói UC1 - ABS 5.1. Tọa độ: X=20.661287, Y=105.927755
Ngày quan trắc	25/07/2024
Ngày phân tích	25/07/2024 đến 14/08/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.05	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	30.152	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	30,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	3,8	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,09	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 07633/2024/PKQ/24.3203

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II).
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 24 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07634/2024/PKQ/24.3203

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.06: Khí thải ống khói UC2 - ABS 5.2. Tọa độ: X=20.661102, Y=105.928028
Ngày quan trắc	26/07/2024
Ngày phân tích	26/07/2024 đến 14/08/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.06	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	36.163	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	33,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	1,4	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=11)	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,39	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,45	1.400 ^a
9	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	9,8	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 07634/2024/PKQ/24.3203

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 24 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



VIMCERTS 233

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội.

Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.

Hotline: 0898.930.888 | Website: https://moitruongvinhphat.com

Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

Số: 01253/2024/PKQ (24.422)

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : KT.240801.007: KT10: Khí thải TC Manu-ABS 6
Thời gian thử nghiệm : 30-31/07/2024 – 27/08/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT	QCVN 20: 2009/BTNMT
				KT.240801.007	Cột B, C _{max}	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ	°C	SOP/MTVP/KT1	33	-	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	33.973	-	-
3	Áp suất (Chênh áp)	mmH ₂ O	SOP/MTVP/KT2	7,1	-	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	57,6	160	-
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,0)	-	5
6	n-Butyl axetat ^(*)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,3)	-	950
7	Toluen	mg/Nm ³		KPH (LOD=1,0)	-	750
8	Xylen	mg/Nm ³		KPH (LOD=1,0)	-	870
9	Ethyl acetate ^(*)	mg/nm ³		KPH (MDL=0,4)	-	1400

Ghi chú:

- "-": Không quy định trong QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT;
- (*): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 288 thực hiện;
- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 $C_{max} = K_p \times K_v \times C$. Trong đó:
+ C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
+ K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải ($K_p=0,8$ – lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$);
+ K_v là hệ số vùng khu vực (với $K_v = 1$ – địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội.

Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.

Hotline: 0898.930.888 | Website: https://moitruongvinhphat.com

Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

Số: 01254/2024/PKQ (24.422)

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
 Địa chỉ : Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
 Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
 Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
 Ngày lấy mẫu : KT.240801.008: KT11: Khí thải UC Manu-ABS 6
 Thời gian thử nghiệm : 30-31/07/2024 – 27/08/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT	QCVN 20: 2009/BTNMT
				KT.240801.008	Cột B, C _{max}	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ	°C	SOP/MTVP/KT1	33	-	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	18.208	-	-
3	Áp suất (Chênh áp)	mmH ₂ O	SOP/MTVP/KT2	3,3	-	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	46,1	160	-
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,0)	-	5
6	n-Butyl axetat ^(*)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,3)	-	950
7	Toluen	mg/Nm ³		KPH (LOD=1,0)	-	750
8	Xylen	mg/Nm ³		KPH (LOD=1,0)	-	870
9	Ethyl acetate ^(*)	mg/nm ³		KPH (MDL=0,4)	-	1400

Ghi chú:

- "-": Không quy định trong QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT;
- (*): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 288 thực hiện;
- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 $C_{max} = K_p \times K_v \times C$. Trong đó:
 + C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải ($K_p=0,8$ – lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ m³/h);
 + K_v là hệ số vùng khu vực (với $K_v = 1$ – địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

TU. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07635/2024/PKQ/24.3203

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.07: Khí thải ống khói UC Auto - ABS 6 Toạ độ: X=20.661316, Y=105.928044
Ngày quan trắc	26/07/2024
Ngày phân tích	26/07/2024 đến 14/08/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.07	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	55.874	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	31,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	4,2	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=11)	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,13	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,87	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **07635/2024/PKQ/24.3203**

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II).
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 24 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07636/2024/PKQ/24.3203

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.09: Khí thải ống khói TC Auto - ABS 6 Toạ độ: X=20.661758, Y=105.927848
Ngày quan trắc	26/07/2024
Ngày phân tích	26/07/2024 đến 14/08/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.09	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	55.464	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	33,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	4,3	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,35	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Qua thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **07636/2024/PKQ/24.3203**

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 24 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội.

Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.

Hotline: 0898.930.888 | Website: https://moitruongvinhphat.com

Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



VLAT-1.0978

Số: 01252/2024/PKQ (24.422)

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : KT.240801.006: KT8: Khí thải UC Auto - ABS 6.2
Thời gian thử nghiệm : 30-31/07/2024 – 27/08/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT	QCVN 20: 2009/BTNMT
				KT.240801.006	Cột B, C _{max}	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ	°C	SOP/MTVP/KT1	32	-	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	36.557	-	-
3	Áp suất (Chênh áp)	mmH ₂ O	SOP/MTVP/KT2	12,1	-	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	46,0	160	-
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,0)	-	5
6	n-Butyl axetat ^(*)	mg/Nm ³		KPH (MDL=0,3)	-	950
7	Toluen	mg/Nm ³		KPH (LOD=1,0)	-	750
8	Xylen	mg/Nm ³		KPH (LOD=1,0)	-	870
9	Ethyl acetate ^(*)	mg/nm ³		KPH (MDL=0,4)	-	1400

Ghi chú:

- "-": Không quy định trong QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT;
- (*): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 288 thực hiện;
- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 $C_{max} = K_p \times K_v \times C$. Trong đó:
 - + C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải ($K_p=0,8$ – lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$);
 - + K_f là hệ số vùng khu vực (với $K_v = 1$ – địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07638/2024/PKQ/24.3203

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.13: Khí thải ống khói TC Auto - ABS 6.2 Toạ độ: X=20.661886, Y=105.928052
Ngày quan trắc	26/07/2024
Ngày phân tích	26/07/2024 đến 14/08/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.13	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	58.614	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	24,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	5,1	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=11)	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	1,0	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,11	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 07638/2024/PKQ/24.3203

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 24 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07637/2024/PKQ/24.3203

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.12: Khí thải ống khói TC Manu - ABS 6.2 Toạ độ: X=20.661868, Y=105.928049
Ngày quan trắc	26/07/2024
Ngày phân tích	26/07/2024 đến 14/08/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.12	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	41.861	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	27,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	4,2	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	KPH (MDL=11)	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,20	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,25	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 07637/2024/PKQ/24.3203

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Giang, ngày 24 tháng 08 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kê, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07639/2024/PKQ/24.3203

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.14: Khí thải ống khói UC Manu - ABS 6.2 Toạ độ: X=20.661904, Y=105.928051
Ngày quan trắc	26/07/2024
Ngày phân tích	26/07/2024 đến 14/08/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.14	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	60.364	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	22,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	5,8	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
5	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	5 ^a
6	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	1,1	750 ^a
7	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,09	870 ^a
8	Etyl Axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	1.400 ^a
9	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	950 ^a

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Qua thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **07639/2024/PKQ/24.3203**

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- (a) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 24 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



Dương Thu Hiền

Lê Thị Khánh

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07374/2024/PKQ/24.3582

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.15: Khí thải hệ thống xử lý khói xưởng WE - Ống khói số 1 Toạ độ: X=20.661688, Y=105.928953
Ngày quan trắc	29/07/2024
Ngày phân tích	29/07/2024 đến 06/08/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.15	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	91.133	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	33,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	3,9	-
4	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	400
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	800
6	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	680
7	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
8	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA method 29	0,0028	4
9	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	<3,8	6
10	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,07)	40

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 07374/2024/PKQ/24.3582

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:
 - C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
 - C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);
 - K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 24 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07375/2024/PKQ/24.3582

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam - KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.16: Khí thải hệ thống xử lý khói xường WE - Ống khói số 2 Toạ độ: X=20.661682, Y=105.929032
Ngày quan trắc	29/07/2024
Ngày phân tích	29/07/2024 đến 06/08/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, C _{max} ⁽¹⁾
				KT.16	
1	Lưu Lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	92.738	-
2	Nhiệt độ	°C	SOP.QT.KT.01	32,0	-
3	Áp suất	mm H ₂ O	SOP.QT.KT.02	3,5	-
4	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	400
5	Carbon oxit, CO	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	800
6	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	KPH	680
7	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<35	160
8	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm ³	US EPA method 29	<0,0020	4
9	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	KPH (MDL=1,2)	6
10	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,07)	40

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: **VIMCERTS 279**

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: **VILAS 1315**

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: **07375/2024/PKQ/24.3582**

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;

- (1): $C_{max} = C \times K_p \times K_v$. Trong đó:

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);

C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;

K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (với $K_p = 0,8$ - lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 m^3/h$);

K_v là hệ số vùng, khu vực (với $K_v = 1$ - địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);

- KPH: Không phát hiện. Kết quả thấp hơn Giới hạn dưới của Dải đo của phương pháp đối với thông số hiện trường và thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp đối với thông số phân tích;

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;

- (-): Không quy định.

Bắc Giang, ngày 24 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội.

Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.

Hotline: 0898.930.888 | Website: <https://moitruongvinhphat.com>Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

VLAT-1.0978

Số: 01255/2024/PKQ (24.422)

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
Ngày lấy mẫu : KT.240801.009: KT17: Khí thải WE-3
Thời gian thử nghiệm : 30-31/07/2024 – 27/08/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT
				KT.240801.009	Cột B, C _{max}
1	Nhiệt độ	°C	SOP/MTVP/KT1	31	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	82.540	-
3	Áp suất (Chênh áp)	mmH ₂ O	SOP/MTVP/KT2	9,6	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	61,5	160
5	Chì (Pb)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (LOD=0,05)	4
6	CO	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT4	0	800
7	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT6	0	400
8	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT5	0	680
9	HCl ^(*)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	6,75	40
10	H ₂ S ^(*)	mg/Nm ³	IS 11255 (Part 4):2006	0,91	6

Ghi chú:

- "-": Không quy định trong QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT;
- (*): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 288 thực hiện;
- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
 $C_{max} = K_p \times K_v \times C$. Trong đó:
 - + C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
 - + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải (K_p=0,8 – lưu lượng nguồn thải P > 100.000 m³/h);
 - + K_v là hệ số vùng khu vực (với K_v = 1 – địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.



VIMCERTS 233

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Mạch Tràng, Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: KCN Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc.
Hotline: 0898.930.888 | Website: <https://moitruongvinhphat.com>
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com



01249/2024/PKQ (24.422)

Số:

Trang: 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Địa chỉ : Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
Địa điểm lấy mẫu : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Khí thải
KT.240801.003: KT18: Khí thải FI
Ngày lấy mẫu : 30-31/07/2024
Thời gian thử nghiệm : 30-31/07/2024 – 27/08/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19: 2009/BTNMT	QCVN 20: 2009/BTNMT
				KT.240801.003	Cột B, C _{max}	Nồng độ tối đa
1	Nhiệt độ	°C	SOP/MTVP/KT1	29	-	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2	1.897	-	-
3	Áp suất (Chênh áp)	mmH ₂ O	SOP/MTVP/KT2	12,2	-	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	45,1	160	-
5	CO	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT4	297,3	800	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT6	12,2	400	-
7	NOx (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	SOP/MTVP/KT5	49,3	680	-
8	H ₂ S ^(*)	mg/Nm ³	IS 11255 (part 4):2006	KPH (MDL=0,5)	6	-
9	n-Heptan	mg/Nm ³	PD CEN/TS	KPH (LOD=1,0)	-	2.000
10	n-Hexan	mg/Nm ³	13649:2014	KPH (LOD=1,0)	-	450

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định trong QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT;
- (*): Thông số do Nhà thầu phụ Vimcerts 288 thực hiện;
- QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

$C_{max} = K_p \times K_v \times C$. Trong đó:

- + C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ;
- + K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải ($K_p=0,8$ – lưu lượng nguồn thải $P > 100.000 \text{ m}^3/\text{h}$);
- + K_v là hệ số vùng khu vực (với $K_v = 1$ – địa điểm quan trắc thuộc Khu công nghiệp Đồng Văn II);
- QCVN 20: 2009/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Dũng



Ngô Thị Chang

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.